TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-04-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Bích Huề

Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái

Tạm trú tại: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bầy: Tôi và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 24/09/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên. Chúng tôi đã sống ly thân

nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Quang H, sinh ngày 23/12/2005; Nguyễn Tùng L, sinh ngày 31/10/2009. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cháu L và tôi đồng ý anh Đ nuôi cháu H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Công việc của tôi hiện nay buôn bán quế, thu nhập một tháng 7.000.000đồng đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh Đ tại thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái, hiện nay anh Đ vẫn có mặt tại địa phương. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh Đ. Anh Đ đã trực tiếp nhận và biết được việc chị H đang xin ly hôn anh nhưng anh Đ cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Tùng L cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Quang H cho anh Đ nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 24 tháng 09 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn anh Đ là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh Đ hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh Đ là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Quang H, sinh ngày 23/12/2005; Nguyễn Tùng L, sinh ngày 31/10/2009. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu Nguyễn Tùng L cho chị H nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Quang H cho anh Đ nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 23/12/2005 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Giao cháu Nguyễn Tùng L, sinh ngày 31/10/2009 cho chị Đinh Thị H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0001389 ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại Thi hành án dân sự huyện V. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Y.
- Lưu HS-TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng